

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST

Ngày: 07/8/2023

“V/v: Chấm dứt HĐ hợp tác
kinhdoanh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiếm;

Ông Lê Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về “Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Huy N - Sinh năm 1995.

ĐKHKT: Số nhà D N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Khu phố P, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Công ty cổ phần D

Trụ sở văn phòng công ty: Lô F Đại Lộ V, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn S - Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu phố T (Nay là khu phố H) phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: Khu phố T (Nay là khu phố H) phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Huy N trình bày:

Vào tháng 10 năm 2021 anh có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty CP D giám đốc là ông Đỗ Văn S. Nội dung hợp đồng là góp vốn vào kinh doanh 02 chiếc xe gồm 01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai i10 mang biển kiểm soát 36A376.81 và 01 xe ô tô nhãn hiệu KIAMORNIG mang biển kiểm soát 36A-309.74 với hình thức mỗi chiếc xe vốn góp là 100.000.000 đồng. (Một trăm triệu đồng). Hai chiếc xe là 200.000.000 đồng. Để công ty cổ phần D kinh doanh và có trả % lợi nhuận cho bên vốn góp là 3%/tháng/doanh thu 01 chiếc xe. Số tiền chi trả theo 02 lần/tháng. Do ông Đỗ Văn S là giám đốc ký đóng dấu hồ sơ kiêm nhận tiền. Trong quá trình hợp tác đến tháng 02/2022 công ty CP D đã không thực hiện theo thỏa thuận trong Hợp đồng Hợp tác. Anh N đã nhiều lần liên lạc với ông Đỗ Văn S nhưng không được, sau đó anh đã gặp và thu được 01 chiếc xe có liên trong trong Hợp đồng hợp tác đó là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai i10 mang biển kiểm soát 36A376.81 để yêu cầu ông Đỗ Văn S thực hiện và thanh lý Hợp đồng nhưng ông S bỏ đi và không liên lạc được. Nay anh Trương Huy N đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa anh Trương Huy N và công ty cổ phần D, đồng thời buộc công ty cổ phần D phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng cho anh.

Phía bị đơn: Đại diện theo pháp luật của công ty là ông Đỗ Văn S đã được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tự khai và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai và phiên hòa giải do Tòa án tiến hành.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa anh Trương Huy Nam và Công ty cổ phần D và buộc công ty cổ phần D phải thanh toán cho anh Trương Huy N số tiền vốn góp là 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện quy định tại điều 70, 71 Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp cho bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Dựa vào phần trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận thấy:

Hợp đồng hợp tác giữa anh Trương Huy N và Công ty cổ phần D không có số, ngày tháng, có chữ ký của bên B là ông Đỗ Văn S giám đốc công ty, bên A là anh Trương Huy N chưa có chữ ký vào hợp đồng. Mặc dù vậy, bên A là anh N đã thực hiện nội dung của hợp đồng đó là việc góp vốn 200.000.000đ vào công ty cổ phần D để mua 02 xe ô tô Hyundai i10 mang BKS: 36A-376.81 và 01 xe Kia morning mang BKS 36A-309.74 vào ngày 10/10/2021, ông S là người nhận số tiền trên.

Bên B thực đã thực hiện việc mua xe và kể từ ngày 12/11/2021, các bên đã thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng là hàng tháng bên A nhận đủ số tiền 3%/1 tháng/1 xe từ bên B phía công ty cổ phần D do ông Đỗ Văn S làm giám đốc, cho đến tháng 02/2022 thì ông S không thực hiện theo thỏa thuận nữa mà hiện nay không có mặt ở địa phương, anh N cũng không liên lạc được với ông S.

Như vậy, bên A nguyên đơn anh Trương Huy N chưa ký vào hợp đồng, nhưng các bên đã xác lập giao dịch chuyển tiền theo hợp đồng và thực hiện việc trả tiền 3%/01tháng/01 xe cho đến tháng 02/2022. Quá trình thực hiện theo hợp đồng, bên B đã không thực hiện đúng thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên bên A (anh Trương H) yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa anh Trương Huy Nam và Công ty cổ phần D và buộc công ty cổ phần D phải thanh toán cho anh Trương Huy N số tiền vốn góp là 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 422, khoản 1 Điều 428; Điều 504, Điều 512 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đó được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Phía Công ty cổ phần D và người đại diện hợp pháp của công ty đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không phối hợp và không đến phiên tòa do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với công ty cổ phần D .

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện “Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ thành phố T, do đó Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của anh Trương Huy N:

[3.1]. Về tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa anh Trương Huy N và Công ty cổ phần D:

Thấy rằng: Vào tháng 10/2021 anh Trương Huy N có thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần D do ông Đỗ Văn S là đại diện hợp pháp cho công ty. Anh Trương Huy N đã nộp số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty cổ phần D, việc giao nhận tiền trực tiếp người nhận tiền là ông Đỗ Văn S, giám đốc công ty, thể hiện 02 phiếu thu tiền mặt ngày 10/10/2021 số tiền mỗi phiếu thu là 100.000.000 đồng nội dung là thu tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh xe ô tô 36A-376.81 và xe ô tô 36A-30974.

Theo anh Trương Huy N trình bày thì việc hợp tác kinh doanh giữa anh và Công ty cổ phần D có hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp đồng này anh đã nộp cho Tòa án. Hợp đồng này không ghi ngày tháng, năm cụ thể và chỉ có một bên ký vào hợp đồng đó là ông Đỗ Văn S giám đốc công ty cổ phần D ký, đóng dấu và đưa cho anh còn phía anh N chưa ký. Tuy nhiên anh và công ty cổ phần D vẫn thực hiện theo nội dung ghi trong hợp đồng này là lợi nhuận cho bên vốn góp là 3%/tháng/doanh thu 01 chiếc xe. Số tiền chi trả theo 02 lần/tháng thành tiền là 6.000.000 đồng/02 xe/tháng/02 lần, anh đã nhận được 04 tháng kể từ tháng 10/2021 cho đến hết tháng 01/2022. Tổng số tiền anh được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh do công ty cổ phần D chuyển khoản là: 18.000.000 đồng. Số tiền này anh được công ty cổ phần D chuyển khoản bằng số TK 50110000006993 đến tài khoản của anh mở tại Ngân hàng V - Chi nhánh T1. Kể từ tháng 02/2022 công ty cổ phần D đã không thực hiện đúng như thỏa thuận, không thanh toán tiền cho anh, anh có đến gặp ông Đỗ Văn S nhưng không gặp được, anh gọi điện thoại thì ông S không nghe máy nên anh không liên lạc được với ông Đỗ Văn S. Do vậy việc anh Trương Huy N chấm dứt Hợp tác kinh doanh với công ty cổ phần D là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 422, khoản 1 Điều 428; Điều 504, Điều 512 Bộ luật dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Yêu cầu công ty cổ phần D Trả lại số tiền hợp tác kinh doanh 200.000.000 đồng cho anh Trương Huy N thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của anh Trương Huy N, căn cứ vào 02 phiếu thu tiền mặt đề ngày 10/10/2021 số tiền mỗi phiếu thu là 100.000.000 đồng nội dung là thu tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh xe ô tô 36A-376.81 và xe ô tô 36A-30974. Do đó có căn cứ khẳng định việc ông Đỗ Văn S giám đốc công ty cổ phần D đã nhận số tiền 200.000.000 đồng của anh Trương Huy N, vì vậy việc anh N yêu cầu công ty cổ phần D trả lại số tiền này cho anh N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh Trương Huy N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Công ty cổ phần D phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh Trương Huy N được Tòa án chấp nhận khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 §iỜu 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 422, khoản 1 Điều 428; Điều 504, Điều 512 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Huy N.

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa anh Trương Huy N và Công ty cổ phần D kể từ tháng 2/2022.

Buộc Công ty cổ phần D phải trả cho anh Trương Huy N số tiền 200.000.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trương Huy N có đơn yêu cầu nếu Công ty cổ phần D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Công ty cổ phần D phải chịu án phí 10.000.000 đồng

Anh Trương Huy N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền án tạm ứng phí 5.000.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002621 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa,

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- THA TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt